

Bản án số:19/2024/HS-ST
Ngày: 15-3-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Tuấn Anh

Ông Dương Quốc Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Thái và ông Đỗ Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2024/TLST-HS ngày 02/02/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Võ Văn Đ, giới tính: Nam; sinh ngày: 16/5/1986 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn L, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; trình độ văn hoá: 06/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Võ Văn Đ1 (đã chết) và bà Dương Thị H, sinh năm 1961; gia đình có 06 người, bị cáo là con thứ hai, có vợ Nguyễn Thị H1, sinh năm 1984, có 04 con, lớn nhất 17 tuổi, nhỏ nhất 08 tuổi.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 (Ngày 09/12/2022, bị Công an tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 45.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản trái phép (đã nộp phạt).

Quá trình nhân thân: Từ nhỏ sinh sống với gia đình tại thôn L, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; học hết lớp 06/12 thì nghỉ học ở nhà làm thuê tại địa phương. Ngày 18/5/2017, bị UBND phường T, thành phố H xử phạt về hành vi khai thác khoáng sản trái phép với số tiền 4.000.000 đồng (Quyết định số 98/QĐ-XPVPHC ngày 19/5/2017). Ngày 09/12/2022, bị Công an tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 45.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản trái phép (QĐXPHS số 7154 ngày 09/12/2022) đã chấp hành.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T từ ngày 08/11/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hồ Văn P, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn H, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt

- Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn L, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn L, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích khai thác khoáng sản trái phép để bán kiếm tiền tiêu xài, vào năm 2022, Võ Văn Đ cùng nhau góp tiền với Hồ Văn P (sinh năm 1989, trú tại thôn H, xã P, thành phố H) đóng một chiếc đò nhôm gắn máy, trang bị hệ thống hút cát để khai thác cát lòng sông H2. Các bên thỏa thuận mỗi lần khai thác, số tiền bán cát sau khi trừ đi chi phí xăng dầu và bảo dưỡng đò, số tiền còn lại được chia đều cho Võ Văn Đ và Hồ Văn P. Trường hợp nếu một trong hai người không đi khai thác được, phải thuê người khác đi thì người không đi khai thác phải trích trong số tiền được chia để trả tiền công cho người được thuê. Để thuận lợi cho việc khai thác và tiêu thụ cát, trước mỗi lần đi khai thác, Hồ Văn P và Võ Văn Đ đều bàn bạc thống nhất với Nguyễn Văn V (sinh năm 1963, trú tại thôn L, phường P, thành phố H) là chủ bãi cát sạn tại thôn L, xã P, thành phố H về việc mua bán cát, khi Nguyễn Văn V đồng ý mua thì P và Đ sẽ đi khai thác cát trái phép về bán lại cho V.

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 28/10/2023, Hồ Văn P gặp Nguyễn Văn V để bàn bạc về việc mua cát, qua trao đổi Nguyễn Văn V đồng ý với P sẽ mua cát với giá 200.000 đồng/1m³ và dặn P “Chỉ được khai thác mỗi đêm 02 chuyến, nếu khai thác nhiều không bán kịp sẽ dễ bị Cơ quan chức năng phát hiện, khai thác xong cứ đưa lên bãi của V rồi mai đến lấy tiền”, P đồng ý và gọi điện rủ Võ Văn Đ đi khai thác. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày Hồ Văn P điều khiển đò máy chở Võ Văn Đ từ bãi neo đậu đò tại thôn H, xã P, thành phố H đến khai thác cát lòng sông H2 thuộc địa phận xã H, thành phố H. P điều khiển máy còn Đ cầm ống hút xuống đáy lòng sông để hút cát. Khi cát đầy khoang, P và Đ điều khiển đò máy chở cát đến bãi tập kết cát sạn tại thôn L, xã P, thành phố H để bán cho Nguyễn Văn V. Trong đêm, Đ và P đã khai thác được 02 đò rồi bán cho Nguyễn Văn V với tổng khối lượng là 12m³. Sáng ngày 29/10/2023, Nguyễn Văn V đã bán lại cho người khác không rõ nhân thân, lai lịch 07m³ với giá 2.100.000 đồng, còn lại tại bãi là 05m³. Vào khoảng 17 giờ ngày 29/10/2023, P đến nhà gặp Nguyễn Văn V để lấy số tiền 2.400.000 đồng tiền bán cát, P tiếp tục trao đổi về việc khai thác cát để bán, V đồng ý mua. P về nhà gọi điện rủ Võ Văn Đ đi khai thác cát trái phép. Do đã có uống rượu khi đi đám giỗ tại nhà bà con nên Đ nói P thuê người khác làm thay Đ, Hồ Văn P đồng ý nên đã tìm thuê Nguyễn Văn C (sinh năm 1989, trú tại thôn L, xã P, thành phố H) cùng đi khai thác cát trái phép với tiền công số tiền 200.000

đồng/01 đò. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Hồ Văn P điều khiển đò máy chở Nguyễn Văn C từ bãi neo đậu đò tại thôn H, xã P, thành phố H đến khai thác cát lòng sông H2 thuộc địa phận xã H, thành phố H thì dừng lại và tiến hành khai thác cát lòng sông. P và C dùng đò máy khai thác cát đầy đò chở về bãi tập kết cát sạn bán lại cho Nguyễn Văn V. Khi đang hút cát từ đò lên bãi thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt giữ và tiến hành thu giữ 5,5m³ cát đã khai thác được, 01 đò máy cùng công cụ hút cát và 05m³ cát còn nằm trên bãi cát của V do Đ và P khai thác vào đêm 28/10/2023. (BL: 20-24; 29-38; 49-67).

Ngày 31/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T có Quyết định trưng cầu giám định số 257/QĐ-CSKT trưng cầu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T tiến hành giám định loại cát mà các đối tượng khai thác được.

Ngày 06/11/2023 Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh T có văn bản số 6507/STNMT-TN, kết luận:

- Loại cát Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ tại bãi tập kết cát sạn của ông Nguyễn Văn V do các đối tượng Hồ Văn P và Võ Văn Đ khai thác trái phép trên sông H, thuộc địa phận giáp ranh giữa xã P và xã H, thành phố H vào ngày 28/10/2023 là loại cát tô có tính chất cơ lý phù hợp với yêu cầu kỹ thuật về cốt liệu nhỏ dùng trong xây dựng, là tài nguyên khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường theo quy định của Luật khoáng sản 2010.

- Loại cát Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ tại bãi tập kết cát sạn của ông Nguyễn Văn V do các đối tượng Hồ Văn P và Nguyễn Văn C khai thác trái phép trên sông H, thuộc địa phận giáp ranh giữa xã P và xã H, thành phố H vào ngày 29/10/2023 là loại cát xây có tính chất cơ lý phù hợp với yêu cầu kỹ thuật về cốt liệu nhỏ dùng trong xây dựng, là tài nguyên khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường theo quy định của Luật khoáng sản 2010. Đồng thời vị trí khai thác cát trên sông H thuộc địa phận xã H, thành phố H là khu vực chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản trong đó có cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường cho tổ chức, cá nhân nào. (B1: 68-69)

Ngày 06/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T ra văn bản yêu cầu định giá tài sản số 757/CSKT yêu cầu hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh Thừa Thiên Huế định giá đối với 12m³ cát mà Hồ Văn P và Võ Văn Đ tại thời điểm khai thác ngày 28/10/2023 và 5,5m³ cát mà Hồ Văn P và Nguyễn Văn C tại thời điểm khai thác ngày 29/10/2023.

Ngày 21/12/2023, Hội đồng định giá tài sản của Ủy ban nhân dân tỉnh T có văn bản số 4690/KL-HĐĐGTS, kết luận: giá trị 12m³ cát tô là 2.883.576 đồng; giá trị 5,5m³ cát xây là 1.321.639 đồng. (BL: 81-85).

Vật chứng Cơ quan điều tra thu giữ:

Tạm giữ của Hồ Văn P.

- 01 đò máy vỏ bằng kim loại có kích thước dài 15,5m, rộng 2,4m, cao 01m, trên đò gắn động cơ, hệ thống máy hút bơm cát và 02 ống hút dài khoảng 08m, đường kính khoảng 10cm.

- 5,5m³ cát lòng sông. (B1: 35-40)

Tạm giữ của Võ Văn Đ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng, màu xanh, bên trong có gắn 01 sim điện thoại Viettel. (B1:47).

Tạm giữ của Hồ Văn P:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng, màu đen; bên trong có gắn 01 sim điện thoại Viettel.

- Số tiền 2.400.000 đồng tiền ngân hàng N. (B1: 48).

Tạm giữ của Nguyễn Văn V:

- 05m³ cát lòng sông. (B1: 45–46).

Đối với các vật chứng trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh tiếp tục tạm giữ theo quy định của pháp luật.

Tại Cáo trạng số 09/CT-VKSTTH-P1 ngày 01 tháng 02 năm 2024, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Võ Văn Đ về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; Điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Võ Văn Đ từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung. Về vật chứng của vụ án, tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước 01 đò máy vỏ bằng kim loại, chiều dài lớn nhất 15,5m, chiều rộng lớn nhất 2,4m, cao 01m, có gắn động cơ, hệ thống hút cát và 02 ống hút dài khoảng 08m, có đường kính ống khoảng 10cm; 5,5m³ cát lòng sông; 05m³ cát lòng sông; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng màu xanh và 01 sim điện thoại Viettel; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng màu đen và 01 sim điện thoại V1; số tiền 2.400.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của

mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở để kết luận:

Võ Văn Đ không có giấy phép khai thác cát và đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác cát trái phép. Vào tối ngày 28/10/2023, Đ khai thác 12m³ cát với trị giá là 2.883.576 đồng và tối ngày 29/10/2023 khai thác 5,5m³ cát với trị giá 1.321.639 đồng tại khu vực sông H thuộc địa phận xã H, thành phố H. Hành vi của bị cáo Võ Văn Đ 02 lần khai thác cát trái phép với tổng khối lượng 17,5m³ cát khoáng sản, có giá trị 4.205.215 đồng. Đây là những khu vực không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản. Hành vi nêu trên của bị cáo Võ Văn Đ đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về tài nguyên khoáng sản. Việc khai thác cát không có giấy phép của Võ Văn Đ đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự 2015. Do đó, Cáo trạng số 09/CT-VKSTTH-P1 ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong vụ án này, Hồ Văn P và Nguyễn Văn C có hành vi khai thác khoáng sản cát trái phép; Nguyễn Văn V đã có hành vi mua cát của P, Đ, C. Tuy nhiên, Hồ Văn P trước đó chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hay bị kết án về hành vi này; Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn V đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này nhưng nay đã xóa tiền sự. Ngoài ra, về số lượng khoáng sản các đối tượng khai thác là chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự do đó hành vi của các đối tượng không cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ cho Công an tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi khai thác cát không có giấy phép là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, đã xâm phạm đến quy định của Nhà nước về khai thác tài nguyên, ảnh hưởng đến môi trường ven sông. Do đó, cần phải xử lý nghiêm, bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Do bị cáo không có công việc làm ăn ổn định nên không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng:

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có 01 tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Xét hành vi của bị cáo “phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn”. Do đó, cần áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015.

[5] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 đò máy vỏ bằng kim loại, chiều dài lớn nhất 15,5m, chiều rộng lớn nhất 2,4m, cao 01m, có gắn động cơ, hệ thống hút cát và 02 ống hút dài khoảng 08m, có đường kính ống khoảng 10cm là phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước;

- Đối với 5,5m³ cát lòng sông của Hồ Văn P là tài sản do hành vi khai thác khoáng sản trái phép, cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng màu xanh, model TA-1174, CODE: 202206JH, thân máy có in chữ MADE IN VIETNAM, imei 1:353624095473369, imei 2:353624095473377 và 01 sim điện thoại Viettel của bị cáo Võ Văn Đ là phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước;

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng màu đen, model TA-1203, CODE: 23 KIG03VN00, thân máy có in chữ MADE IN VIETNAM, imei:357732108808129 và 01 sim điện thoại Viettel của Hồ Văn P là phương tiện để thực hiện hành vi khai thác khoáng sản trái phép, cần tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước;

- Đối với số tiền 2.400.000 đồng tiền ngân hàng N là tài sản do hành vi khai thác khoáng sản trái phép, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước;

- Đối với 05m³ cát lòng sông của Nguyễn Văn V là tài sản do hành vi khai thác khoáng sản trái phép, cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước;

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Võ Văn Đ phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật hình sự 2015.

[2] Về hình phạt:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 227, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Võ Văn Đ 06 (sáu) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/11/2023.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, tuyên xử:

Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước :

- 01 đò máy vỏ bằng kim loại, chiều dài lớn nhất 15,5m, chiều rộng lớn nhất 2,4m, cao 01m, có gắn động cơ, hệ thống hút cát và 02 ống hút dài khoảng 08m, có đường kính ống khoảng 10cm;

- 5,5m³ cát lòng sông;

- 05m³ cát lòng sông;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng màu xanh, model TA-1174, CODE: 202206JH, thân máy có in chữ MADE IN VIETNAM, imei 1:353624095473369, imei 2:353624095473377 và 01 sim điện thoại Viettel;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng màu đen, model TA-1203, CODE: 23 KIG03VN00, thân máy có in chữ MADE IN VIETNAM, imei:357732108808129 và 01 sim điện thoại Viettel;

- Số tiền 2.400.000 đồng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/3/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T và Cục THADS tỉnh T; Biên bản làm việc ngày 11/3/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T và Cục THADS tỉnh T về nội dung chuyển vật chứng vụ án theo Quyết định chuyển vật chứng số 08/QĐ-VKSTTH-P1 ngày 01/02/2024 của Viện kiểm sát tỉnh TT Huế; Ủy nhiệm chi ngày 11 tháng 3 năm 2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã nộp vào tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế)

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Võ Văn Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Án sơ thẩm xét xử công khai, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- CQCSĐT CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh TT Huế;
- Phòng CSTHAHS&HTTP CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bị cáo;
- Lưu HS; HCTP; KTNV; THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Vũ Tiến